

Bản án số: 736/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2018.
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

2/Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2018/QĐXX - ST ngày 24 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thu P, sinh năm: 1977

Thường trú: đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Quang T, sinh năm: 1976.

Thường trú: đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2018, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Hoàng Thu P trình bày: Bà P và ông Trần Quang T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyển số 01 ngày 03/9/2003.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hòa hợp, thương yêu nhau và cùng cố gắng xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Nhưng đến khoảng đầu năm 2015, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã, thậm chí là đánh nhau, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống đôi bên không hợp nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đỉnh điểm là từ tháng 02/2016, mâu thuẫn vợ chồng diễn ra trầm trọng và không còn quan hệ vợ chồng với nhau, mặc dù sống chung trong một mái nhà. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà P yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà P khai, giữa bà và ông T chung sống có hai con chung (Trần Hoàng Linh Đ sinh ngày 21/7/2006, Trần Hoàng Minh Q sinh ngày 17/5/2016), bà P yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: theo bà P khai không có.

Sau khi Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải, giấy triệu tập đương sự đối với ông Trần Quang T về việc trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải và tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/5/2018, thì Trần Quang T có mặt và trình bày nội dung như sau: ông xác nhận thời gian qua cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống đôi bên không hợp nhau, dẫn đến xô xát, hiện vợ chồng đã sống ly thân, đồng thời ông đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng có thời gian hàn gắn, nên ông không đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông T khai, giữa ông và bà P chung sống có hai con chung (Trần Hoàng Linh Đ sinh ngày 21/7/2006, Trần Hoàng Minh Q sinh ngày 17/5/2016), ông T yêu cầu được nuôi trẻ Linh Đ, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: theo ông T khai không có.

Qua xác minh, ông Trần Quang T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế thường xuyên ở tại địa chỉ 156/1 đường Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; sau đó Tòa án tổng đạt Thông báo về phiên hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên hòa giải (ngày 29/8/2018) cũng như các văn bản tố tụng khác (Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa ngày 11/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa ngày 31/10/2018) cho ông T nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ.

Về nội dung: đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa bà P và ông T là “Tranh chấp về ly hôn”. Bị đơn ông Trần Quang T có địa chỉ cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu xin ly hôn: Luật Hôn nhân và gia đình quy định: vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Tuy nhiên qua lời trình bày của bà P và ông T, có cơ sở xác định giữa bà P và ông T lại phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến xô xát và đánh nhau, hiện nay đôi bên đang sống ly thân cho thấy mục đích hôn nhân của bà P và ông T không đạt được. Hơn nữa, ông T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về phiên hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên hòa giải (ngày 29/8/2018) cũng như các văn bản tố tụng khác (Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa ngày 11/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa ngày 31/10/2018). Như vậy, ông T cũng không còn quan tâm, thiết tha đến cuộc sống hôn nhân này nữa nên tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông T không còn khả năng hàn gắn nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

- Về con chung: Bà P yêu cầu được nuôi hai con (Trần Hoàng Linh Đ sinh ngày 21/7/2006, Trần Hoàng Minh Q sinh ngày 17/5/2016), xét yêu cầu của bà P là phù hợp với nguyện vọng của trẻ Linh Đ. Hơn nữa, hiện nay trẻ Linh Đ, Minh Q đang ở cùng mẹ, để không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của trẻ Hội đồng xét xử xem xét giao hai con (Trần Hoàng Linh Đ sinh ngày 21/7/2006, Trần Hoàng Minh Q sinh ngày 17/5/2016) cho bà P trực tiếp nuôi. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thu P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thu P được ly hôn với ông Trần Quang T (Bà Hoàng Thu P và ông Trần Quang T đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyển số 01, ngày 03/9/2003 của Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: bà Hoàng Thu P trực tiếp nuôi hai con chung (Trần Hoàng Linh Đ sinh ngày 21/7/2006, Trần Hoàng Minh Q sinh ngày 17/5/2016); bà Hoàng Thu P không yêu cầu ông Trần Quang T cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Hoàng Thu P phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0040481 ngày 13 tháng 03 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với nguyên đơn tính từ ngày tuyên án, đối với bị đơn tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- UBND Phường 15, Quận 10, TP.HCM (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Triệu Luật